

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐIỆN BIÊN
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM HỌC 2025-2026

KẾT QUẢ THI THỰC HÀNH KỲ THI TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ GDĐT NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Thông báo số 2590 /TB-HĐTD ngày 28 /8/2025 của Hội đồng tuyển dụng)

TT	Họ và tên	Ngày /tháng/ năm sinh	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hộ khẩu thường trú	Môn dự thi	Điện ưu tiên	Điểm chấm của GK1	Điểm chấm của GK2	Kết quả chấm thi chính thức	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Ngọc Anh	28/6/2000	Kinh	ĐH	Sư phạm Địa lý	Xã Thanh An, Tỉnh Điện Biên	Địa lý		64	66	65.0	
2	Nguyễn Mạnh Cường	10/12/1994	Tày	ĐH	Sư phạm Địa lý	Xã Sơn Động, Bắc Ninh	Địa lý	DTTS	83	82	82.5	
3	Nguyễn Tiến Dũng	29/3/2002	Kinh	ĐH	Sư phạm Địa lý	Xã Mường Tùng, tỉnh Điện Biên	Địa lý		79	79	79.0	
4	Đào Thành Đạt	29/7/2003	Kinh	ĐH	Sư phạm Địa lý	Xã Yên Châu, tỉnh Sơn La	Địa lý					Vắng
5	Lò Văn Điệp	02/8/2003	Thái	ĐH	Sư phạm Địa lý	Xã Thanh Yên, tỉnh Điện Biên	Địa lý	DTTS	70	70	70.0	
6	Lò Thị Hiếm	12/9/1994	Thái	ĐH	Sư phạm Địa lý	Xã Thanh Yên, tỉnh Điện Biên	Địa lý	DTTS	67	67	67.0	
7	Lò Thị Hiền	09/01/2003	Thái	ĐH	Sư phạm Địa lý	Xã Mường Chiên, tỉnh Sơn La	Địa lý	DTTS	59	60	59.5	
8	Lò Văn Hùng	09/8/2000	Thái	ĐH	Sư phạm Địa lý	Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên	Địa lý	DTTS	84	84	84.0	
9	Vũ Thị Thu Huyền	05/02/1995	Kinh	ĐH	Sư phạm Địa lý	Phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên	Địa lý		78	77	77.5	
10	Nguyễn Như Huỳnh	06/8/2002	Kinh	ĐH	Sư phạm Địa lý	Xã Pú Nhung, tỉnh Điện Biên	Địa lý		88	89	88.5	
11	Lù Văn Hưng	25/05/2002	Thái	ĐH	Sư phạm Địa lý	Xã Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La	Địa lý	DTTS	70	70	70.0	
12	Lò Thị Liền	03/4/1992	Lào	ĐH	Sư phạm Địa lý	Xã Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La	Địa lý	DTTS				Vắng
13	Nguyễn Thuý Linh	19/11/2003	Kinh	ĐH	Sư phạm Địa lý	Thành phố Hà Nội	Địa lý		85	85	85.0	
14	Quảng Thị Mai	01/01/1998	Thái	ĐH	Sư phạm Địa lý	Xã Núa Ngam, tỉnh Điện Biên	Địa lý	DTTS	82	82	82.0	

TT	Họ và tên	Ngày /tháng/ năm sinh	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hộ khẩu thường trú	Môn dự thi	Diện ưu tiên	Điểm chấm của GK1	Điểm chấm của GK2	Kết quả chấm thi chính thức	Ghi chú
15	Cà Thị Minh	14/8/1998	Thái	ĐH	Sư phạm Địa lý	Xã Núa Ngam, tỉnh Điện Biên	Địa lý	DTTS				Vắng
16	La Thị Nga	02/12/2003	Thái	ĐH	Sư phạm Địa lý	Xã Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La	Địa lý	DTTS	64	65	64.5	
17	Lò Thị Thu Nga	19/8/2003	Thái	ĐH	Sư phạm Địa lý	Xã Mường Giôn, tỉnh Sơn La	Địa lý	DTTS	70	71	70.5	
18	Đỗ Thị Ngọc	12/3/1987	Kinh	ĐH	Sư phạm Địa lý	Xã Bình Mỹ, tỉnh Ninh Bình	Địa lý					Vắng
19	Khúc Thị Nguyệt	12/9/1998	Kinh	ĐH	Sư phạm Địa lý	Xã Thanh An, Tỉnh Điện Biên	Địa lý		73	72	72.5	
20	Lò Thị Pánh	08/05/1995	Thái	ĐH	Sư phạm Địa lý	Xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên	Địa lý	DTTS	71	72	71.5	
21	Cư A Pao	03/7/2003	Mông	ĐH	Sư phạm Địa lý	Xã Nà Bùng, tỉnh Điện Biên	Địa lý	DTTS	65	65	65.0	
22	Lù A Sánh	17/8/2001	Mông	ĐH	Sư phạm Địa lý	Xã Mường Hung, tỉnh Sơn La	Địa lý	DTTS	62	63	62.5	
23	Trần Thị Thắm	20/7/1989	Kinh	ĐH	Sư phạm Địa lý	Xã Thanh Yên, tỉnh Điện Biên	Địa lý		86	85	85.5	
24	Quảng Thị Hương Trà	15/12/2003	Thái	ĐH	Sư phạm Địa lý	Xã Muối Nội, tỉnh Sơn La	Địa lý	DTTS	74	75	74.5	
25	Lê Thị Huyền Trang	23/5/1995	Kinh	ĐH	Sư phạm Địa lý	Xã Na Son, tỉnh Điện Biên	Địa lý		67	68	67.5	
26	Lường Phương Trang	14/1/2002	Thái	ĐH	Sư phạm Địa lý	Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên	Địa lý	DTTS	71	71	71.0	
27	Quảng Văn Trường	27/11/2002	Thái	ĐH	Sư phạm Địa lý	Xã Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên	Địa lý	DTTS	73	72	72.5	
28	Thào A Tương	01/2/2003	Mông	ĐH	Sư phạm Địa lý	Xã Pú Nhung, tỉnh Điện Biên	Địa lý	DTTS	71	71	71.0	
29	Vì Thị Thu Vân	24/4/2003	Thái	ĐH	Sư phạm Địa lý	Xã Chiềng Khoong, tỉnh Sơn La	Địa lý	DTTS				Vắng
30	Vàng A Vòng	01/01/2000	Mông	ĐH	Sư phạm Địa lý	Xã Nậm Nền, tỉnh Điện Biên	Địa lý	DTTS	60	61	60.5	
31	Khoảng Thị Anh	25/12/1994	Thái	ĐH	Giáo dục Chính trị	Xã Mường Nhé, tỉnh Điện Biên	GDKTPL	DTTS	72	74	73.0	

TT	Họ và tên	Ngày /tháng/ năm sinh	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hộ khẩu thường trú	Môn dự thi	Diện ưu tiên	Điểm chấm của GK1	Điểm chấm của GK2	Kết quả chấm thi chính thức	Ghi chú
32	Nguyễn Thị Tú Anh	30/8/1999	Kinh	ĐH	Giáo dục Chính trị	Xã Thanh An, Tỉnh Điện Biên	GDKTPL		88	88	88.0	
33	Vừ A Cải	10/01/1991	Mông	ĐH	Giáo dục Chính trị	Xã Co Mạ, tỉnh Sơn La	GDKTPL	DTTS				Vắng
34	Sông Thị Chi	06/12/1999	Mông	ĐH	Giáo dục Chính trị	Phường Mường Lay, tỉnh Điện Biên	GDKTPL	DTTS				Vắng
35	Vừ A Chừ	25/11/1998	Mông	ĐH	Giáo dục Chính trị	Xã Sín Chải, tỉnh Điện Biên	GDKTPL	DTTS	65	65	65.0	
36	Lò Văn Công	07/8/2003	Thái	ĐH	Giáo dục Chính trị	Xã Mường Chiên, tỉnh Sơn La	GDKTPL	DTTS	70	72	71.0	
37	Hờ A Cộg	16/4/2001	Mông	ĐH	Giáo dục công dân	Phường Mường Lay, tỉnh Điện Biên	GDKTPL	DTTS	75	78	76.5	
38	Và A Dẻnh	19/9/1999	Mông	ĐH	Giáo dục Chính trị	Xã Cò Mạ, tỉnh Sơn La	GDKTPL	DTTS				Vắng
39	Mùa Quang Dững	15/12/1995	Mông	ĐH	Giáo dục Chính trị	Xã Sính Phình, tỉnh Điện Biên	GDKTPL	DTTS	65	65	65.0	
40	Vũ Thị Đào	02/5/1993	Kinh	ĐH	Giáo dục Chính trị	Xã Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên	GDKTPL		90	90	90.0	
41	Sùng Thị Gương	07/11/1998	Mông	ĐH	Giáo dục Chính trị	Xã Sính Phình, tỉnh Điện Biên	GDKTPL	DTTS	55	55	55.0	
42	Tín Diên Hò	16/01/1995	Hoa	ĐH	Giáo dục Chính trị	Xã Mường Toong, tỉnh Điện Biên	GDKTPL	DTTS	77	78	77.5	
43	Sùng A Hờ	02/10/1993	Mông	ĐH	Giáo dục Chính trị	Xã Pu Nhi, tỉnh Điện Biên	GDKTPL	DTTS	88	87	87.5	
44	Sùng A Hùng	15/10/1995	Mông	ĐH	Giáo dục Chính trị	Xã Phòng Lái, tỉnh Sơn La	GDKTPL	DTTS				Vắng
45	Hà Thanh Huyền	25/8/2002	Thái	ĐH	Giáo dục Chính trị	Xã Sông Mã, tỉnh Sơn La	GDKTPL	DTTS	72	72	72.0	
46	Lò Thị Hương	18/11/2003	Thái	ĐH	Giáo dục Chính trị	Xã Mường Lạn, tỉnh Điện Biên	GDKTPL	DTTS				Vắng
47	Nguyễn Vũ Mai Hương	17/4/2002	Kinh	ĐH	Sư phạm Giáo dục công dân	Xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên	GDKTPL		81	80	80.5	
48	Vàng Thị Khoa	14/6/1994	Mông	ĐH	Giáo dục Chính trị	Xã Nà Hỷ, tỉnh Điện Biên	GDKTPL	DTTS	60	60	60.0	

TT	Họ và tên	Ngày /tháng/ năm sinh	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hộ khẩu thường trú	Môn dự thi	Diện ưu tiên	Điểm chấm của GK1	Điểm chấm của GK2	Kết quả chấm thi chính thức	Ghi chú
49	Vũ Thị Lan	17/01/1995	Kinh	ĐH	Giáo dục công dân	Phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	GDKTPL		63	66	64.5	
50	Giàng A Lăng	08/02/1996	Mông	ĐH	Giáo dục Chính trị	Xã Sinh Phình, tỉnh Điện Biên	GDKTPL	DTTS				Vắng
51	Vũ Thị Lệ	06/10/1997	Kinh	ĐH	Giáo dục Chính trị	Xã Thanh An, tỉnh Điện Biên	GDKTPL		81	81	81.0	
52	Lò Thị Lương	28/9/2001	Thái	ĐH	Giáo dục Chính trị	Xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên	GDKTPL	DTTS	65	66	65.5	
53	Giàng A Ly	06/9/1998	Mông	ĐH	Giáo dục Chính trị	tỉnh Sơn La	GDKTPL					Vắng
54	Lèo Văn Mạnh	04/04/2002	Thái	ĐH	Giáo dục Chính trị	Xã Tà Hộc, tỉnh Sơn La	GDKTPL	DTTS; Sĩ quan dự bị	60	60	60.0	
55	Lò Văn Nam	20/10/1996	Lào	ĐH	Giáo dục Chính trị	Xã Mường Nhà, tỉnh Điện Biên	GDKTPL	DTTS; Sĩ quan dự bị	65	65	65.0	
56	Lò Thị Hồng Nhung	24/6/2002	Thái	ĐH	Giáo dục công dân	Xã Sam Mứn, tỉnh Điện Biên	GDKTPL	DTTS	70	70	70.0	
57	Quảng Thị Nhung	15/9/2002	Thái	ĐH	Giáo dục công dân	Xã Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên	GDKTPL	DTTS	75	76	75.5	
58	Lò Văn Quân	05/4/1995	Thái	ĐH	Giáo dục Chính trị	Xã Quài Tở, tỉnh Điện Biên	GDKTPL	DTTS	52	54	53.0	
59	Quảng Văn Quý	23/01/1995	Thái	ĐH	Giáo dục Chính trị	Xã Búng Lao, tỉnh Điện Biên	GDKTPL	DTTS	71	70	70.5	
60	Ly A Sọ	13/4/2000	Mông	ĐH	Giáo dục Chính trị	Xã Chiềng La, tỉnh Sơn La	GDKTPL	DTTS	71	70	70.5	
61	Quảng Văn Sơn	10/8/1996	Thái	ĐH	Giáo dục Chính trị	Xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên	GDKTPL	DTTS	72	70	71.0	
62	Tòng Văn Thành	02/10/2003	Thái	ĐH	Giáo dục công dân	Xã Thanh Yên, tỉnh Điện Biên	GDKTPL	DTTS	82	83	82.5	
63	Tòng Văn Thắng	01/6/2002	Thái	ĐH	Giáo dục Chính trị	Xã Sông Mã, tỉnh Sơn La	GDKTPL	DTTS	80	80	80.0	
64	Lò Văn Thiên	08/9/1994	Thái	ĐH	Giáo dục Chính trị	Xã Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên	GDKTPL	DTTS	80	82	81.0	
65	Lò Thị Thơ	08/7/1996	Khơ mú	ĐH	Giáo dục Chính trị	Xã Mường Pồn, tỉnh Điện Biên	GDKTPL	DTTS	72	68	70.0	

TT	Họ và tên	Ngày /tháng/ năm sinh	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hộ khẩu thường trú	Môn dự thi	Điện ưu tiên	Điểm chấm của GK1	Điểm chấm của GK2	Kết quả chấm thi chính thức	Ghi chú
66	Lò Thị Bích Thuỷ	17/12/2001	Thái	ĐH	Giáo dục Chính trị	Xã Mường La, tỉnh Sơn La	GDKTPL	DTTS	80	79	79.5	
67	Quảng Thị Tiên	14/02/2003	Thái	ĐH	Giáo dục Chính trị	Xã Núa Ngam, tỉnh Điện Biên	GDKTPL	DTTS	56	55	55.5	
68	Bùi Quỳnh Trang	13/10/2003	Kinh	ĐH	Giáo dục Chính trị	Xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên	GDKTPL		75	75	75.0	
69	Cà Thu Trang	18/5/2001	Thái	ĐH	Giáo dục Chính trị	Xã Thuận Châu, tỉnh Sơn La	GDKTPL	DTTS	68	69	68.5	
70	Hoàng Thị Huyền Trang	27/5/2002	Kinh	ĐH	Giáo dục công dân	Xã Sam Mứn, tỉnh Điện Biên	GDKTPL		63	67	65.0	
71	Nguyễn Thanh Tùng	10/3/1993	Kinh	ĐH	Giáo dục Chính trị	Tỉnh Phú Thọ	GDKTPL					Vắng
72	Lường Văn Tuyết	22/8/1995	Thái	ĐH	Giáo dục Chính trị	Xã Sáng Nhè , tỉnh Điện Biên	GDKTPL	DTTS				Vắng
73	Lường Văn Tư	15/10/1998	Thái	ĐH	Giáo dục Chính trị	Xã Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên	GDKTPL	DTTS; Sĩ quan dự bị	90	90	90.0	
74	Lò Thị Út	01/1/2003	Thái	ĐH	Giáo dục công dân	Xã Tủa Thàng, tỉnh Điện Biên	GDKTPL	DTTS	75	74	74.5	
75	Lường Thị Yên	25/12/1998	Thái	ĐH	Giáo dục công dân	Xã Mường Phăng, tỉnh Điện Biên	GDKTPL	DTTS	76	75	75.5	
76	Nguyễn Kim Chi	27/10/2003	Kinh	ĐH	Sư phạm Hóa học	Xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên	Hóa học		86	88	87.0	
77	Quảng Thị Lan	13/7/1995	Thái	ĐH	Sư phạm hóa học	Xã Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên	Hóa học	DTTS	53	54	53.5	
78	Đỗ Thị Tâm	04/12/1997	Tày	ĐH	Sư phạm Hóa học	Phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	Hóa học	DTTS	86	86	86.0	
79	Trương Thanh Tâm	21/4/2001	Kinh	ĐH	Sư phạm Hóa học	Xã Thanh An, Tỉnh Điện Biên	Hóa học		54	53	53.5	
80	Phan Nhật Thành	05/11/2001	Kinh	ĐH	Sư phạm hóa học	Xã Mai Sơn, tỉnh Sơn La	Hóa học		64	62	63.0	
81	Nguyễn Thị Ngọc Trang	24/8/2003	Kinh	ĐH	Sư phạm hóa học	Xã Thanh Yên, tỉnh Điện Biên	Hóa học					Vắng
82	Nguyễn Thanh Tú	25/12/2002	Kinh	ĐH	Sư phạm hóa học	Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên	Hóa học					Vắng

TT	Họ và tên	Ngày /tháng/ năm sinh	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hộ khẩu thường trú	Môn dự thi	Điện ưu tiên	Điểm chấm của GK1	Điểm chấm của GK2	Kết quả chấm thi chính thức	Ghi chú
83	Lê Thị Xuân	15/03/1989	Kinh	ĐH	Sư phạm Hoá học	Phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La	Hóa học		20	20	20.0	
84	Vũ Hải Anh	01/12/2001	Kinh	ĐH	Lịch sử Đảng CSVN	Phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên	Lịch sử		60	60	60.0	
85	Quảng Văn Chính	04/5/1992	Thái	ĐH	Sư phạm sử địa	Xã Na Son, tỉnh Điện Biên	Lịch sử	DTTS				Vắng
86	Lương Thị Duyên	29/9/2002	Kinh	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Xã Phú Long, tỉnh Ninh Bình	Lịch sử		62	62	62.0	
87	Đặng Ánh Dương	09/10/2003	Kinh	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	Lịch sử		82	82	82.0	
88	Lò Quang Đại	20/6/2002	Thái	ĐH	Lịch sử Đảng CSVN	tỉnh Sơn la	Lịch sử	DTTS	57	57	57.0	
89	Vừ A Đông	15/10/1996	Mông	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Xã Quài Tở, tỉnh Điện Biên	Lịch sử	DTTS				Vắng
90	Thào A Giàng	15/7/1989	Mông	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Xã Sín Chải, tỉnh Điện Biên	Lịch sử	DTTS				Vắng
91	Lù Văn Hải	10/11/1997	Thái	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Xã Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên	Lịch sử	DTTS				Vắng
92	Phạm Thuý Hạnh	02/4/2001	Kinh	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	Lịch sử		82	82	82.0	
93	Lý Thu Hiền	02/6/2003	Tày	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên	Lịch sử	DTTS	90	90	90.0	
94	Nguyễn Thị Lan Hương	16/6/2002	Kinh	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Xã Thanh An, Tỉnh Điện Biên	Lịch sử		83	83	83.0	
95	Nguyễn Thị Phương Linh	13/2/2003	Kinh	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên	Lịch sử		65	65	65.0	
96	Đỗ Văn Mười	28/5/2003	Kinh	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Xã Long Hưng, tỉnh Hưng Yên	Lịch sử					Vắng
97	Đieu Thị Nghệ	26/4/2003	Thái	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Xã Mường Mùn, tỉnh Điện Biên	Lịch sử	DTTS	72	72	72.0	
98	Lò Văn Ninh	03/10/1990	Thái	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Xã Thanh An, tỉnh Điện Biên	Lịch sử	DTTS	70	70	70.0	
99	Lò Thị Phượng	02/2/2002	Khơ mú	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Xã Núa Ngam, tỉnh Điện Biên	Lịch sử	DTTS	72	72	72.0	

TT	Họ và tên	Ngày /tháng/ năm sinh	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hộ khẩu thường trú	Môn dự thi	Điện ưu tiên	Điểm chấm của GK1	Điểm chấm của GK2	Kết quả chấm thi chính thức	Ghi chú
100	Tráng A Sùng	03/02/2002	Mông	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Xã Nà Bùng, tỉnh Điện Biên	Lịch sử	DTTS	50	50	50.0	
101	Quảng Thị Thiên	28/4/1993	Thái	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên	Lịch sử	DTTS	84	84	84.0	
102	Lù Văn Thinh	09/8/1989	Thái	ĐH	Sư phạm Lịch Sử	tỉnh Sơn La	Lịch sử					Vắng
103	Quảng Thị Minh Thúy	29/6/2003	Thái	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Xã Lê Lợi, tỉnh Lai Châu	Lịch sử	DTTS	74	74	74.0	
104	Tòng Thị Tín	11/8/1995	Thái	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Xã Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên	Lịch sử	DTTS	50	50	50.0	
105	Phan Thị Hà Trang	29/12/1997	Kinh	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên	Lịch sử					Vắng
106	Lò Thị Tươi	31/7/2003	Thái	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Xã Thanh An, Tỉnh Điện Biên	Lịch sử	DTTS	72	72	72.0	
107	Vàng A Bẫy	26/03/2001	Mông	ĐH	Sư phạm Mỹ thuật	Xã Tia Dình, tỉnh Điện Biên	Mỹ thuật	DTTS	78	82	80.0	
108	Phạm Thị Ngọc Hà	27/8/2002	Thái	ĐH	Sư phạm Mỹ thuật	Phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	Mỹ thuật	DTTS	49	49	49.0	
109	Lường Thị Tiết	23/6/1992	Thái	ĐH	Sư phạm Mỹ thuật	Xã Thuận Châu, tỉnh Sơn La	Mỹ thuật	DTTS	49	46	47.5	
110	Lê Hạnh Bình	13/01/2002	Kinh	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	Ngữ văn		70	69	69.5	
111	Nguyễn Hà Duyên	05/4/1995	Kinh	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Phường Từ Liêm, TP. Hà Nội	Ngữ văn		81	82	81.5	
112	Nguyễn Thu Hằng	22/6/1997	Kinh	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên	Ngữ văn		76	77	76.5	
113	Quảng Văn Hòa	24/10/2003	Thái	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Xã Bó Sinh, tỉnh Sơn La	Ngữ văn	DTTS	70	71	70.5	
114	Đào Thị Hoài	07/3/2003	Kinh	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Xã Thanh An, tỉnh Điện Biên	Ngữ văn		85	86	85.5	
115	Nguyễn Thị Thanh Hoài	21/10/2002	Kinh	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	xã Quan Thành,tỉnh Nghệ An	Ngữ văn		80	79	79.5	
116	Lò Lan Hương	10/7/2002	Thái	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Xã Mai Sơn, tỉnh Sơn La	Ngữ văn	DTTS				Vắng

TT	Họ và tên	Ngày /tháng/ năm sinh	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hộ khẩu thường trú	Môn dự thi	Điện ưu tiên	Điểm chấm của GK1	Điểm chấm của GK2	Kết quả chấm thi chính thức	Ghi chú
117	Nguyễn Xuân Khang	18/11/2002	Kinh	ĐH	Văn học	Xã Nam Định, tỉnh Ninh Bình	Ngữ văn		71	69	70.0	
118	Đỗ Ngọc Linh	26/8/2003	Kinh	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Xã Thuận Châu, tỉnh Sơn La	Ngữ văn		70	70	70.0	
119	Hà Thị Mỹ Linh	11/6/2002	Thái	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Xã Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	Ngữ văn	DTTS				Vắng
120	Nguyễn Thị Hồng Linh	14/11/2003	Kinh	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên	Ngữ văn		83	83	83.0	
121	Nguyễn Thị Thảo Linh	04/12/2003	Kinh	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên	Ngữ văn		83	83	83.0	
122	Nguyễn Ngọc Mai	11/9/2003	Kinh	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Xã Yên Châu, tỉnh Sơn La	Ngữ văn					Vắng
123	Nguyễn Thị Ngọc Mai	25/4/2000	Kinh	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Nghi Lộc, Nghệ An	Ngữ văn		79	79	79.0	
124	Khoảng Văn Mịch	10/12/1994	Thái	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Xã Chà Tở, tỉnh Điện Biên	Ngữ văn	DTTS	68	68	68.0	
125	Lường Văn Nam	02/09/2003	Thái	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Xã Quài Tở, tỉnh Điện Biên	Ngữ văn	DTTS	75	74	74.5	
126	Tòng Thị Ngân	10/4/2003	Thái	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Xã Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên	Ngữ văn	DTTS				Vắng
127	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	24/02/2003	Kinh	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Xã Thần Khê, tỉnh Hưng yên	Ngữ văn		84	86	85.0	
128	Hà Thị Kim Nhẫn	06/7/1993	Kinh	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Xã Thanh Hưng, tỉnh Điện Biên	Ngữ văn					Vắng
129	Nguyễn Minh Quang	12/9/2003	Kinh	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	xã Đông Cuông, tỉnh Lào Cai	Ngữ văn					Vắng
130	Chu Thị Thúy Quỳnh	18/7/1998	Kinh	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	Ngữ văn		49	48	48.5	
131	Hà Thị Như Quỳnh	18/4/2003	Kinh	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên	Ngữ văn		89	87	88.0	
132	Giảng Thị Sai	15/11/2003	Mông	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Xã Na Sang, tỉnh Điện Biên	Ngữ văn	DTTS	69	71	70.0	
133	Lường Thị Sen	12/10/2003	Thái	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Xã Mường É, tỉnh Sơn La	Ngữ văn	DTTS	70	72	71.0	

TT	Họ và tên	Ngày /tháng/ năm sinh	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hộ khẩu thường trú	Môn dự thi	Điện ưu tiên	Điểm chấm của GK1	Điểm chấm của GK2	Kết quả chấm thi chính thức	Ghi chú
134	Phạm Thị Thảo	30/11/1997	Kinh	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Xã Thanh An, tỉnh Điện Biên	Ngữ văn		81	83	82.0	
135	Vũ Nguyễn Phương Thảo	07/3/2003	Kinh	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	Ngữ văn		77	79	78.0	
136	Nguyễn Minh Thúy	20/5/2002	Kinh	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên	Ngữ văn	Con bệnh binh	74	75	74.5	
137	Lò Đức Thủy	08/10/2002	Thái	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Xã Thanh An, tỉnh Điện Biên	Ngữ văn	DTTS	83	83	83.0	
138	Hoàng Thị Lệ Thu	14/12/2003	Kinh	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Xã Sông Mã, tỉnh Sơn La	Ngữ văn					Vắng
139	Đào Hoài Thương	01/9/2002	Kinh	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Xã Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên	Ngữ văn		73	74	73.5	
140	Nguyễn Hoài Thương	21/5/2003	Tày	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Xã Quảng Lâm, tỉnh Điện Biên	Ngữ văn	DTTS				Vắng
141	Lê Ngọc Huyền Trang	29/11/2003	Kinh	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên	Ngữ văn		75	75	75.0	
142	Lê Thuý Trang	12/02/1998	Kinh	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên	Ngữ Văn		70	68	69.0	
143	Mai Thị Kiều Trang	12/9/2002	Thái	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	Ngữ văn	DTTS	86	87	86.5	
144	Thùng Thị Kiều Trang	13/01/2003	Thái	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Xã Mường Chà, tỉnh Điện Biên	Ngữ văn	DTTS	83	85	84.0	
145	Phạm Thanh Tuấn	18/01/1991	Kinh	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Xã Thanh Yên, tỉnh Điện Biên	Ngữ văn		75	78	76.5	
146	Lường Thị Vân	12/7/2002	Thái	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Xã Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên	Ngữ văn	DTTS	70	68	69.0	
147	Triệu Thị Vân	15/01/2003	Kinh	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Xã Hiền Khánh, tỉnh Ninh Bình	Ngữ văn		85	84	84.5	
148	Phạm Thị Vi	20/3/2001	Kinh	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Xã Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên	Ngữ văn		69	70	69.5	
149	Phạm Thị Vui	05/2/2003	Kinh	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Xã Búng Lao, tỉnh Điện Biên	Ngữ văn		86	84	85.0	
150	Lê Ngọc Ánh	10/10/1997	Kinh	ĐH	GDQPAN	Phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	QPAN		52	55	53.5	

TT	Họ và tên	Ngày /tháng/ năm sinh	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hộ khẩu thường trú	Môn dự thi	Điện ưu tiên	Điểm chấm của GK1	Điểm chấm của GK2	Kết quả chấm thi chính thức	Ghi chú
151	Nguyễn Thị Chinh	15/5/1999	Kinh	ĐH	Giáo dục quốc phòng an ninh	Xã Tiến Thắng, TP Hà Nội	QPAN		85	87	86.0	
152	Lò Thị Du	25/02/1996	Thái	ĐH	GDQPAN	Xã Mường Nhé, tỉnh Điện Biên	QPAN	DTTS	68	68	68.0	
153	Lò Thị Hiền	07/5/2001	Thái	ĐH	GDQPAN	Xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên	QPAN	DTTS	71	69	70.0	
154	Nguyễn Nhật Linh	23/10/1998	Kinh	ĐH	Giáo dục quốc phòng an ninh	Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên	QPAN		70	73	71.5	
155	Lò Thị Mây	14/7/1998	Thái	ĐH	GDQPAN	Xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên	QPAN	DTTS	86	88	87.0	
156	Đinh Văn Nguyễn	23/6/1989	Dao	ĐH	Giáo dục quốc phòng an ninh	xã Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang	QPAN	DTTS				Vắng
157	Quan Văn Tân	25/12/1993	Tày	ĐH	Giáo dục quốc phòng an ninh	xã Minh Quang, tỉnh Tuyên Quang	QPAN	DTTS				Vắng
158	Quảng Văn Thành	22/7/2002	Thái	ĐH	GDQPAN	Xã Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên	QPAN	DTTS	67	65	66.0	
159	Trần Thị Thảo	23/10/2002	Kinh	ĐH	GDQPAN	Phường Bắc Hồng Linh, tỉnh Hà Tĩnh	QPAN					Vắng
160	Lò Thị Thắm	19/10/2003	Thái	ĐH	GDQPAN	Xã Tà Đĩnh, tỉnh Điện Biên	QPAN	DTTS	61	60	60.5	
161	Cứ Thị Thơm	27/7/2003	Mông	ĐH	GDQPAN	Xã Pu Nhi, tỉnh Điện Biên	QPAN	DTTS	64	63	63.5	
162	Nguyễn Phi Tường	02/9/1990	Kinh	ĐH	Giáo dục quốc phòng an ninh	Đakrông, Quảng Trị	QPAN					Vắng
163	Thào A Vàng	11/8/1997	Mông	ĐH	GDQPAN	Xã Si Pa Phìn, tỉnh Điện Biên	QPAN	DTTS	70	68	69.0	
164	Lường Thị Lan Hương	03/3/2003	Thái	ĐH	Sư phạm Sinh học	Xã Mường Nhà, tỉnh Điện Biên	Sinh học	DTTS	68	71	69.5	
165	Quảng Văn Quyết	19/01/1994	Thái	ĐH	Sư phạm Sinh học	Xã Mường Phăng, tỉnh Điện Biên	Sinh học	DTTS	81	82	81.5	
166	Phạm Ngọc Quỳnh	08/08/1999	Kinh	ĐH	Sư phạm Sinh học	Phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên	Sinh học		65	67	66.0	
167	Nguyễn Thị Thư	13/11/2002	Kinh	ĐH	Sư phạm Sinh học	Xã Thanh An, Tỉnh Điện Biên	Sinh học		85	85	85.0	

TT	Họ và tên	Ngày /tháng/ năm sinh	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hộ khẩu thường trú	Môn dự thi	Điện ưu tiên	Điểm chấm của GK1	Điểm chấm của GK2	Kết quả chấm thi chính thức	Ghi chú
168	La Thị Xuân	13/4/1997	Nùng	ĐH	Sư phạm Sinh học	Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên	Sinh học	DTTS	68	68	68.0	
169	Lò Văn Chuyên	01/11/1995	Thái	ĐH	Giáo dục thể chất	Phường Thanh Bình, TP. Điện Biên Phủ	Thể dục	DTTS	72	73	72.5	
170	Quảng Thị Cương	30/8/2002	Thái	ĐH	Giáo dục thể chất	Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên	Thể dục	DTTS	65	67	66.0	
171	Giảng Thị Dở	01/06/1996	Mông	ĐH	Giáo dục thể chất	Xã Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên	Thể dục	DTTS				Vắng
172	Lò Văn Đông	06/4/2002	Lào	ĐH	Giáo dục thể chất	Xã Mường Luân, tỉnh Điện Biên	Thể dục	DTTS	59	58	58.5	
173	Đặng Văn Đức	17/4/2002	Tày	ĐH	Giáo dục thể chất	Phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	Thể dục	DTTS				Vắng
174	Nguyễn Trung Hiếu	08/6/1990	Kinh	ĐH	Giáo dục thể chất	Xã Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên	Thể dục					Vắng
175	Vàng Văn Hiếu	29/4/2003	Thái	ĐH	Giáo dục thể chất	Phường Mường Lay, tỉnh Điện Biên	Thể dục	DTTS	74	71	72.5	
176	Trần Trung Kiên	21/3/2000	Kinh	ĐH	Giáo dục thể chất	Xã Thanh An, tỉnh Điện Biên	Thể dục		69	66	67.5	
177	Lò Văn Lịch	19/11/1999	Thái	ĐH	Giáo dục thể chất	Xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên	Thể dục	DTTS	61	58	59.5	
178	Khoàng Đức Mạnh	05/01/2002	Thái	ĐH	Giáo dục thể chất	Xã Mường Tùng, tỉnh Điện Biên	Thể dục	DTTS	85	86	85.5	
179	Vì Hoài Nam	23/5/2002	Thái	ĐH	Giáo dục thể chất	Xã Mường Nhà, tỉnh Điện Biên	Thể dục	DTTS	55	55	55.0	
180	Hồ Ngọc Phong	05/8/2003	Mông	ĐH	Giáo dục Thể chất	Xã Na Sang, tỉnh Điện Biên	Thể dục	DTTS				Vắng
181	Lò Văn Quân	05/11/2001	Thái	ĐH	Giáo dục thể chất	Xa Nua Ngam, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	Thể dục	DTTS	68	66	67.0	
182	Cà Văn Sơn	06/4/2002	Thái	ĐH	Giáo dục thể chất	Xã Mường Phăng, tỉnh Điện Biên	Thể dục	DTTS	84	86	85.0	
183	Giảng A Sơn	14/10/2002	Mông	ĐH	Giáo dục thể chất	Xã Sáng Nhè, tỉnh Điện Biên	Thể dục	DTTS	71	72	71.5	
184	Lò Văn Tập	08/9/1994	Thái	ĐH	Giáo dục thể chất	Xã Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên	Thể dục	DTTS	54	54	54.0	

TT	Họ và tên	Ngày /tháng/ năm sinh	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hộ khẩu thường trú	Môn dự thi	Điện ưu tiên	Điểm chấm của GK1	Điểm chấm của GK2	Kết quả chấm thi chính thức	Ghi chú
185	Ngân Văn Thiên	19/7/1992	Thái	ĐH	Giáo dục thể chất	Xã Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La	Thể dục	DTTS	69	67	68.0	
186	Giàng Quang Thiện	12/11/2000	Thái	ĐH	Giáo dục thể chất	Xã Mường Tùng, tỉnh Điện Biên	Thể dục	DTTS	64	62	63.0	
187	Lò Văn Thiết	12/02/2003	Thái	ĐH	Giáo dục Thể chất	Xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên	Thể dục	DTTS	60	61	60.5	
188	Lường Văn Tuấn	30/6/1993	Thái	ĐH	Giáo dục thể chất	Xã Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên	Thể dục	DTTS				Vắng
189	Lò Thanh Tùng	16/3/2002	Thái	ĐH	Giáo dục thể chất	Xã Mường Nhà, tỉnh Điện Biên	Thể dục	DTTS	59	56	57.5	
190	Mùa Thị Chía	05/3/2002	Mông	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Xã Na Son, tỉnh Điện Biên	Tiếng Anh	DTTS	56	55	55.5	
191	Lò Thị Cúc	12/8/1993	Thái	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên	Tiếng Anh	DTTS	74	74	74.0	
192	Cứ Thị Đông	06/02/2003	Mông	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Xã Mường Nhé, tỉnh Điện Biên	Tiếng Anh	DTTS	70	68	69.0	
193	Vàng Thí Dúa	17/9/2003	Mông	ĐH	Sư phạm Tiếng anh	Xã Si Pa Phìn, tỉnh Điện Biên	Tiếng Anh	DTTS	57	57	57.0	
194	Vì Ngọc Dũng	15/8/2002	Thái	ĐH	Sư phạm Tiếng anh	Xã Mường Nhà, tỉnh Điện Biên	Tiếng Anh	DTTS	55	56	55.5	
195	Phạm Thị Ánh Dương	16/3/2002	Kinh	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên	Tiếng Anh		80	79	79.5	
196	Vì Thị Thuý Dương	08/02/2003	Thái	ĐH	Sư phạm Tiếng anh	Xã Phiêng Khoài, tỉnh Sơn La	Tiếng Anh	DTTS				Vắng
197	Cù Huy Việt Đức	09/10/2001	Kinh	ĐH	Sư phạm Tiếng anh	Phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	Tiếng Anh		81	81	81.0	
198	Trương Thị Hương Giang	06/5/2001	Mường	ĐH	Sư phạm Tiếng anh	Xã Cẩm Tú, tỉnh Thanh Hóa	Tiếng Anh	DTTS				Vắng
199	Giàng Thị Giống	25/10/2002	Mông	ĐH	Sư phạm Tiếng anh	Xã Sính Phình, tỉnh Điện Biên	Tiếng Anh	DTTS	46	45	45.5	
200	Quảng Thị Hà	07/12/2003	Thái	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Xã Mường Luân, tỉnh Điện Biên	Tiếng Anh	DTTS	80	81	80.5	
201	Lường Thị Hậu	06/01/2003	Thai	ĐH	Sư phạm Tiếng anh	Xã Mường Nhé, tỉnh Điện Biên	Tiếng Anh	DTTS				Vắng

TT	Họ và tên	Ngày /tháng/ năm sinh	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hộ khẩu thường trú	Môn dự thi	Điện ưu tiên	Điểm chấm của GK1	Điểm chấm của GK2	Kết quả chấm thi chính thức	Ghi chú
202	Lò Thị Hiền	22/7/2003	Thái	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Xã Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên	Tiếng Anh	DTTS	74	75	74.5	
203	Lò Thị Thu Hiền	11/12/1999	Thái	ĐH	Sư phạm Tiếng anh	Xã Mường Lằm, tỉnh Sơn La	Tiếng Anh	DTTS	75	72	73.5	
204	Hoàng Thanh Huyền	29/10/2001	Thái	ĐH	Sư phạm Tiếng anh	Phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên	Tiếng Anh	DTTS	59	57	58.0	
205	Nguyễn Phương Huyền	30/7/2003	Kinh	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	Tiếng Anh		86	87	86.5	
206	Lò Thị Khuyên	23/3/2003	Thái	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Xã Xa Dung, tỉnh Điện Biên	Tiếng Anh	DTTS	54	54	54.0	
207	Phạm Cao Mai Lam	04/10/2003	Kinh	ĐH	Sư phạm Tiếng anh	Xã Định Hóa, tỉnh Ninh Bình	Tiếng Anh		47	48	47.5	
208	Hồ Thị Lia	03/5/2003	Mông	ĐH	Sư phạm Tiếng anh	Xã Sông Mã, tỉnh Sơn La	Tiếng Anh	DTTS	56	56	56.0	
209	Bùi Thùy Linh	20/6/2003	Kinh	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên	Tiếng Anh		59	57	58.0	
210	Quảng Thị Sao Mai	23/7/2003	Thái	ĐH	Sư phạm Tiếng anh	Xã Pu Nhi, tỉnh Điện Biên	Tiếng Anh	DTTS	57	58	57.5	
211	Lò Thị Nga	28/02/2003	Thái	ĐH	Sư phạm Tiếng anh	Xã Mường Toong, tỉnh Điện Biên	Tiếng Anh	DTTS	81	82	81.5	
212	Quảng Thị Nga	08/06/2003	Thái	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Xã Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên	Tiếng Anh	DTTS	81	82	81.5	
213	Đặng Thuỷ Ngân	27/07/1998	Kinh	ĐH/Thạc sĩ	SP Tiếng Anh/LLPPDH môn Tiếng Anh	Phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	Tiếng Anh					Vắng
214	Quảng Thị Tuyết Ngân	22/10/2003	Thái	ĐH	Sư phạm Tiếng anh	Xã Chiềng Lao, tỉnh Sơn La	Tiếng Anh	DTTS				Vắng
215	Đinh Hồng Ngọc	16/11/2001	Tày	ĐH	Sư phạm ngôn ngữ Anh	Xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	Tiếng Anh	DTTS	81	82	81.5	
216	Tòng Thị Hồng Nhung	12/3/2003	Thái	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Xã Mường Luân, tỉnh Điện Biên	Tiếng Anh	DTTS				Vắng
217	Lý Lú Phin	03/3/2001	Dao	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Xã Nà Hỳ, tỉnh Điện Biên	Tiếng Anh	DTTS				Vắng
218	Hoàng Đình Phúc	14/9/2000	Kinh	ĐH/Thạc sĩ	SP Tiếng Anh/LLPPDH môn Tiếng Anh	Phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	Tiếng Anh		89	89	89.0	

TT	Họ và tên	Ngày /tháng/ năm sinh	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hộ khẩu thường trú	Môn dự thi	Điện ưu tiên	Điểm chấm của GK1	Điểm chấm của GK2	Kết quả chấm thi chính thức	Ghi chú
219	Vừ Thị Si	23/10/2003	Mông	ĐH	Sư phạm Tiếng anh	Xã Sín Thầu, tỉnh Điện Biên	Tiếng Anh	DTTS	81	80	80.5	
220	Sùng Thị Tà	03/04/2003	Mông	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Xã Na Son, tỉnh Điện Biên	Tiếng Anh	DTTS	60	61	60.5	
221	Vì Trần Quang Thanh	09/6/2003	Kinh	ĐH	Sư phạm Tiếng anh	Phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	Tiếng Anh		85	86	85.5	
222	Mào Thanh Thảo	29/08/2003	Thái	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Xã Mường Nhé, tỉnh Điện Biên	Tiếng Anh	DTTS	85	83	84.0	
223	Vì Thị Minh Thảo	06/12/2003	Thái	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Xã Thanh An, Tỉnh Điện Biên	Tiếng Anh	DTTS	56	57	56.5	
224	Lò Thị Thu	13/11/2003	Kho mú	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Xã Na Son, tỉnh Điện Biên	Tiếng Anh	DTTS	59	55	57.0	
225	Trương Đình Thuận	18/11/2003	Kinh	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Xã Mường Chà, tỉnh Điện Biên	Tiếng Anh		81	80	80.5	
226	Quảng Thị Thủy	20/10/2001	Thái	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Xã Chiềng Sinh, tỉnh Điện Biên	Tiếng Anh	DTTS	45	43	44.0	
227	Nguyễn Anh Thư	27/3/2001	Kinh	ĐH	Sư phạm Tiếng anh	Xã Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên	Tiếng Anh		85	84	84.5	
228	Hoàng Công tiến	07/11/2002	Kinh	ĐH	Sư phạm Tiếng anh	Phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	Tiếng Anh		59	61	60.0	
229	Vì Thị Thúy Trang	12/10/2003	Thái	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Xã Phình Giàng, tỉnh Điện Biên	Tiếng Anh	DTTS	80	81	80.5	
230	Vũ Thị Huyền Trang	16/9/2003	Kinh	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên	Tiếng Anh		83	85	84.0	
231	Bùi Kim Tuyến	27/02/2000	Kinh	ĐH	Ngôn ngữ Anh	Phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	Tiếng Anh		80	81	80.5	
232	Lò Thị Xuân	18/01/2003	Thái	ĐH	Sư phạm Tiếng anh	Xã Mường Phăng, tỉnh Điện Biên	Tiếng Anh	DTTS	87	88	87.5	
233	Quảng Thị Hương Lan	09/7/2003	Thái	ĐH	Sư phạm Tin học	Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên	Tin học	DTTS	72	74	73.0	
234	Dương Như Quang	29/04/2002	Kinh	ĐH	Công nghệ thông tin	Xã Quài Tở, tỉnh Điện Biên	Tin học		72	72	72.0	
235	Trần Thùy Trang	22/01/2003	Kinh	ĐH	Sư phạm Tin học	Xã Thanh An, tỉnh Điện Biên	Tin học		70	71	70.5	

TT	Họ và tên	Ngày /tháng/ năm sinh	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hộ khẩu thường trú	Môn dự thi	Điện ưu tiên	Điểm chấm của GK1	Điểm chấm của GK2	Kết quả chấm thi chính thức	Ghi chú
236	Nguyễn Anh Tuấn	09/3/1999	Kinh	ĐH	Công nghệ thông tin	Xã Na Sang, tỉnh Điện Biên	Tin học		75	76	75.5	
237	Đào Thị Bảo Yến	15/9/2003	Kinh	ĐH	Sư phạm Tin học	Xã Yên Châu, tỉnh Sơn La	Tin học					Vắng
238	Nguyễn Ngọc Bích	14/01/2001	Kinh	ĐH	Sư phạm Toán học	Xã Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên	Toán		61	62	61.5	
239	Trần Thanh Bình	12/10/2003	Kinh	ĐH	Sư phạm Toán học	Phường Mường Lay, tỉnh Điện Biên	Toán		80	80	80.0	
240	Vũ Thị Thủy Dung	12/12/1986	Kinh	ĐH	Sư phạm Toán	Phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	Toán					Vắng
241	Nguyễn Thị Thảo Mai	14/12/2002	Kinh	ĐH	Sư phạm Toán	Xã Mường Phăng, tỉnh Điện Biên	Toán		81	81	81.0	
242	Hoàng Thị Hạnh Phương	13/6/2003	Kinh	ĐH	Sư phạm Toán học	Phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên	Toán		85	85	85.0	
243	Lê Ánh Phương	28/02/2002	Kinh	ĐH	Sư phạm Toán	Phường Phú Diễn, TP Hà Nội	Toán		64	60	62.0	
244	Lò Quyết Tâm	15/10/2003	Thái	ĐH	Sư phạm Toán	Xã Thanh An, Tỉnh Điện Biên	Toán	DTTS	70	70	70.0	
245	Ngô Thị Thùy	10/4/2003	Kinh	ĐH	Sư phạm Toán học	Xã Búng Lao, tỉnh Điện Biên	Toán		80	80	80.0	
246	Nguyễn Thị Thư	27/03/2003	Kinh	ĐH	Sư phạm Toán	tỉnh Hưng Yên	Toán					Vắng
247	Nguyễn Thùy Trang	28/2/2003	Kinh	ĐH	Sư phạm Toán	Xã Thanh Yên, tỉnh Điện Biên	Toán		90	90	90.0	
248	Và A Trí	07/5/2003	Mông	ĐH	Sư phạm Toán học	Xã Co Mạ, tỉnh Sơn La	Toán	DTTS	50	50	50.0	
249	Bạc Cầm Trung	02/9/2003	Thái	ĐH	Sư phạm Toán học	Xã Mường Giôn, tỉnh Sơn La	Toán	DTTS	50	51	50.5	
250	Ngô Xuân Trường	07/4/2002	Kinh	ĐH	Sư phạm Toán học	Xã Thanh Yên, tỉnh Điện Biên	Toán		90	90	90.0	
251	Đặng Tuyết Thanh	09/9/2002	Kinh	ĐH	Sư phạm Vật lý	Phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	Vật lý		66	67	66.5	

Danh sách có 251 người./.